

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HS-ST
Ngày 21-9-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ván.

Bà La Thị Thu Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Cù Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2023/TLST-HS, ngày 23 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 85/2023/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Chính T, sinh ngày 18 tháng 02 năm 1996 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Cao T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; vợ: tên K G, sinh năm 1999; con: Có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 28/3/2023 chuyển tạm giam ngày 07/4/2023 theo Lệnh tạm giam số 71/LTG, ngày 07/4/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

2. Nguyễn Văn Ngọc T1, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2001 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; vợ: con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết số 127/QĐ-XPVPHC, ngày 29/10/2021 của Công an xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã nộp phạt ngày 29/3/2023); bị tạm giữ ngày 28/3/2023 chuyển tạm giam ngày 07/4/2023 theo Lệnh tạm giam số

72/LTG, ngày 07/4/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người chứng kiến: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 28/3/2023, Công an xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khi đang tuần tra, kiểm soát về an ninh, trật tự trên địa bàn thì phát hiện Nguyễn Chính T và Nguyễn Văn Ngọc T1 đang ngồi trước nhà của T tại tổ 0, ấp 0, xã H, huyện X có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện gần chỗ ngồi của T và T1 có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm: 01 chai thủy tinh, 01 ống thủy tinh, 01 nỏ thủy tinh) và 01 gói nylon bên trong chứa chất kết tinh không màu-trong suốt. Do T và T1 tự khai nhận đó là ma túy đá nên đã bị lực lượng Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và đưa T, T1 về trụ sở để làm việc. Quá trình làm việc, T và T1 đều khai nhận về nguồn gốc số ma túy đá có được đang tàng trữ là do khoảng 21 giờ ngày 28/3/2023, khi cả hai người đang ngồi chơi trước nhà của T thì cùng nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng chung nên lúc này T đưa cho T1 300.000 đồng và nói với T1 đi mua ma túy về để sử dụng, T1 đồng ý. Khoảng 15 phút sau, T1 gọi điện thoại cho một người tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua 300.000 đồng ma túy được H đồng ý và nói với T1 đi đến đường hẻm gần hồ bơi “MV” thuộc xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để nhận (lấy) ma túy. Khi đó, T1 rủ T cùng đi, T đồng ý nên T1 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 72G1-521... của T1 chở T đi tới đường hẻm gần hồ bơi “MV” như đã thỏa thuận với H. Tại đây, T1 gặp một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) khi người này đưa (chuyển) cho T1 01 gói ma túy thì T1 trả cho người này 300.000 đồng. Sau khi có được ma túy, T1 đưa gói ma túy cho T giữ (cầm) còn T1 điều khiển xe chở T quay về. Hai người về lại nhà của T, T lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của T ra để T và T1 chuẩn bị sử dụng ma túy nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ (B1 17, 18).

Ngày 29/3/2023, Công an xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã chuyển toàn bộ hồ sơ, đồ vật, tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (sau đây viết tắt là: Cơ quan Cảnh sát Điều tra) để xử lý theo thẩm quyền (B1 19-22).

Ngày 07/4/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (B1 01); Quyết định khởi tố bị can (B1 23, 35); Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu của

Nguyễn Chính T và Nguyễn Văn Ngọc T1 gồm: 01 (một) phong bì màu vàng được niêm phong vụ số 136 ngày 07/4/2023 có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cùng các chữ ký ghi họ tên: Thượng tá Đỗ Xuân H, Hoàng Thị Mai L, Nguyễn Ngọc T (hoàn trả sau giám định); 01 (một) chai thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh; 01 (một) nỏ thủy tinh (B1 58). 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, số IMEI 867977050585..., bên trong có gắn sim số 0354207....; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 72G1-521...., số máy JA39E0295....., số khung RLHJA3900HY295.... (B1 59).

Tại Kết luận giám định số 136/KL-KTHS-MT, ngày 07/4/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận về đối tượng giám định như sau: Mẫu A gửi giám định có khối lượng 0,3738 gam, là ma túy, loại Methamphetamine. Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 01 phong bì gửi giám định (đã được niêm phong), mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định (B1 64).

Tại Cáo trạng số 81/CT-VKS-XM, ngày 21/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu truy tố bị cáo Nguyễn Chính T và bị cáo Nguyễn Văn Ngọc T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Chính T và bị cáo Nguyễn Văn Ngọc T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Về hình phạt chính:

+ Phạt bị cáo Nguyễn Chính T từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 28/3/2023).

+ Phạt bị cáo Nguyễn Văn Ngọc T1 từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 28/3/2023).

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì màu vàng được niêm phong vụ số 136 ngày 07/4/2023 có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cùng các chữ ký của Thượng tá Đỗ Xuân H, Hoàng Thị Mai L, Nguyễn Ngọc T là ma túy hoàn trả sau giám định; 01 (một) chai thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh; 01 (một) nỏ thủy tinh; 01 (một) sim điện thoại có chứa dãy số 03542079....

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, số IMEI 867977050585....

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T2: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 72G1-521...., số máy JA39E0295...., số khung RLHJA3900HY295....

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và tự nguyện khai nhận toàn bộ quá trình thực

hiện tội phạm đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; Các bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và đều không tự bào chữa, tranh luận; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết để được nhận lại tài sản hợp pháp của mình là 01 (một) xe mô tô biển số 72G1-521..... Đồng thời, xin giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, ngoài ra không có yêu cầu gì khác; Người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa, ngoài lời khai có trong hồ sơ vụ án thì không gửi văn bản nêu ý kiến bổ sung gì thêm.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 28/3/2023, bị cáo Nguyễn Chính T và bị cáo Nguyễn Văn Ngọc T1 đã có hành vi tàng trữ 01 (một) gói nylon hàn kín bên trong có chứa khối lượng 0,3738 gam, là ma túy, loại Methamphetamine khi đang chuẩn bị sử dụng tại nhà của bị cáo T thuộc tổ 0, ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì bị lực lượng Công an xã H, huyện X phát hiện, lập biên bản, thu giữ và niêm phong tang vật. Quá trình điều tra, các bị cáo đều thống nhất khai nhận về nguồn gốc số ma túy đã đang tàng trữ là mua của một người thanh niên tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) tại đường hẻm gần hồ bơi “MV” thuộc xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá 300.000 đồng để cùng sử dụng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; sơ đồ nơi xảy ra vụ việc; biên bản kiểm tra thông tin, dữ liệu lưu trữ trong điện thoại di động; phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến; phù hợp với Kết luận giám định, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Chất kết tinh không màu–trong suốt chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín thu giữ của bị cáo Nguyễn Chính T và bị cáo Nguyễn Văn Ngọc T1 có khối lượng 0, 3738 gam, là ma túy, loại Methamphetamine theo Kết luận giám định số 136/KL-KTHS-MT, ngày 07/4/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo đều đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được tác hại của ma túy và những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về ma túy. Song để đáp ứng nhu cầu nghiện ma túy của bản thân, các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, sẵn sàng tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng cho thỏa mãn nhu cầu nghiện hút ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng đã vi phạm Điều 5 của Luật phòng, chống ma túy năm 2021 và xâm phạm trực tiếp đến các chính sách của

quản lý Nhà nước về phòng, chống ma túy; gây tác hại nhiều mặt cho xã hội, ảnh hưởng đối với sức khỏe con người, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Vật chứng thu giữ của các bị cáo là 01 (một) gói nylon được hàn kín bên trong có chứa khối lượng 0,3738 gam được xác định là ma túy, loại Methamphetamine. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố các bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong vụ án này có 02 người cùng tham gia nhưng chưa có sự bàn bạc, phân công vai trò chặt chẽ nên chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người xúi giục, dụ dỗ, thúc đẩy và tạo điều kiện vật chất cho bị cáo T1; bị cáo T1 là người giúp sức về tinh thần và vật chất cho bị cáo T để cả hai người cùng thực hiện tội phạm. Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi đồng phạm của các bị cáo gần như ngang nhau. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo T không có tiền án, tiền sự và về nhân thân từ trước đến khi bị đưa ra xét xử chưa vi phạm pháp luật; bị cáo T1 không có tiền án nhưng có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã bị Công an xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 127/QĐ-XPVPHC, ngày 29/10/2021 với mức phạt tiền là 750.000 đồng và đã nộp phạt ngày 29/3/2023 nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân tốt mà trái lại, các bị cáo đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, được cơ quan chức năng xác định là người nghiện ma túy và nay phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Sự vắng mặt của người chứng kiến nhưng đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người nghiện ma túy, việc tàng trữ ma túy chỉ để sử dụng, không nhằm mục đích khác; bản thân các bị cáo nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 01 (một) phong bì màu vàng được niêm phong vụ số 136 ngày 07/4/2023 có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cùng các chữ ký của Thượng tá Đỗ Xuân H, Hoàng Thị Mai L, Nguyễn Ngọc T là ma túy hoàn trả sau giám định; 01 (một) chai thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh; 01 (một) nỏ thủy tinh; 01 (một) sim điện thoại có chứa dãy số 0354207.... Đây là vật cầm tàng trữ, lưu hành; vật không có giá trị, giá trị sử dụng; vật không sử dụng được nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, số IMEI 867977050585.... Đây là công cụ, phương tiện bị cáo Thịnh dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 72G1-521..., số máy JA39E0295..., số khung RLHJA3900HY295.... thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thu T2 theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0291..., ngày 01/3/2018 của Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhưng bị cáo T1 mượn và sử dụng trái phép vào việc phạm tội, bản thân bà T2 không biết nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp tài sản vì không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) mà bị cáo T1 khai đã trực tiếp nhận ma túy và giao tiền cho người này mà không phải là người thanh niên tên H tại đường hẻm gần hồ bơi “MV” thuộc xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 28/3/2023 và người thanh niên tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) là người mà trước đó bị cáo T1 đã gọi điện thoại để mua ma túy. Hiện nay chưa xác định được tên, tuổi và địa chỉ cụ thể của hai người này, ngoài lời khai của các bị cáo, Cơ quan Cảnh sát Điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác, cũng như chưa làm việc được nên tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[7] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo và

những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Chính T và bị cáo Nguyễn Văn Ngọc T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chính T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 28/3/2023).

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Ngọc T1 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 28/3/2023).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

- Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì màu vàng được niêm phong vụ số 136 ngày 07/4/2023 có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cùng các chữ ký của Thượng tá Đỗ Xuân H, Hoàng Thị Mai L, Nguyễn Ngọc T là ma túy hoàn trả sau giám định; 01 (một) chai thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh; 01 (một) nỏ thủy tinh; 01 (một) sim điện thoại có chứa dãy số 03542079....

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, số IMEI 867977050585.....

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T2: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 72G1-521...., số máy JA39E0295..., số khung RLHJA3900HY295....

(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 97/BB, ngày 12/9/2023).

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Chính T và bị cáo Nguyễn Văn Ngọc T1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ CS Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND xã H, huyện X;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10–Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến